

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 50/2019/HS - ST

Ngày: 31/10/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Văn Thiết** và Bà **Nông Thị Phương Lê**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Thuật** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2019/TLST - HS, ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST – HS, ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **HOÀNG VĂN B** - sinh ngày 15/01/1993 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Sán Chí; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Đ và bà Trương Thị S; có vợ là: Triệu Thị N và 02 (hai) con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Hoàng Văn B sinh ra và lớn lên tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 6/12 thì nghỉ học về phụ giúp gia đình lao động sản xuất, năm 2013 thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Thái Nguyên đến năm 2014 trở về địa phương. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **LÝ VĂN N** - sinh ngày 08/3/1974 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: Sán Chí; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn C và bà Đặng Thị N (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị H và 03 (ba) con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Lý Văn N sinh ra và lớn lên tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn,

đang học lớp 01 thì bỏ học ở nhà lao động và phụ giúp gia đình. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn N là:** Ông Sầm Văn K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Ông K có mặt.

*** Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:** Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979; trú tại: thôn K, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Người phiên dịch tiếng Tày cho bị cáo Lý Văn N là:** Ông Nông Văn H (tên gọi khác: Nông Văn T) - sinh năm 1965; trú tại: tổ B, phường X, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. Ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11^h25' ngày 11/01/2018 tại khu vực tổ 16, phường S, thành phố BK, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện và bắt quả tang Lý Văn N và Hoàng Văn B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm tra phát hiện, thu giữ trong hậu môn của Lý Văn N 01 bao cao su bên trong có chứa chất ma túy (Heroine) có khối lượng là 8,335 gam; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 0012509 mang tên chủ xe Lý Văn N; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen BKS 97F5 - 6788 và chìa khóa xe; 19.800.000 đồng tiền VNĐ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 vỏ màu đen có 02 số IMEL1: 354555050622344 và IMEL2: 3545550622351; 02 bao cao su vỏ ngoài màu trắng bạc còn nguyên vẹn. Phát hiện thu giữ trong hậu môn của Hoàng Văn B 03 gói được gói bằng ni lông màu hồng bên trong có chứa chất ma túy (Heroine) có tổng khối lượng là 10,284 gam; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng có số IMEL1: 865262037746757 và IMEL2: 865262037746740 màn hình đã bị vỡ; 800.000 đồng tiền VNĐ.

Tại Cơ quan điều tra Lý Văn N và Hoàng Văn B khai nhận: số chất màu trắng mà phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thu giữ của N và B là ma túy (Heroine) và khai nhận về nguồn gốc số ma túy đó như sau: khoảng 07 giờ ngày 11/01/2018, Lý Văn N cùng Hoàng Văn B đi xe mô tô biển kiểm soát 97F5 - 6788 của N từ xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn xuống thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (N là người điều khiển xe). Ý định của N là đến thành phố BK để thăm con gái đang học tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Bắc Kạn, còn mục đích của B là đến thành phố BK để mua ma túy về sử dụng và để bán cho người khác kiếm lời. Khi đến địa

phận thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn khoảng 10 giờ, N với B đi vào khu vực trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn, thuộc tổ 17, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây B hỏi N “có góp tiền mua ma túy không”, N đồng ý nên B đã lấy điện thoại của mình gọi điện cho một người đàn ông (trước đó B đã có số điện thoại của người này, nhưng không biết rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể), để hỏi mua ma túy với tổng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Người đàn ông này đồng ý và hẹn B đến bãi đất ở khu vực cầu treo thuộc tổ 18, phường S, thành phố BK. N điều khiển xe máy chở B đến gần khu vực đầu cầu treo thuộc tổ 18, phường S, thành phố BK thì gặp một người đàn ông đi xe máy, đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, người đàn ông này bảo với B và N tiếp tục đi theo đến khu vực bãi đất trống ở đầu cầu treo thuộc tổ 18, phường S, N dừng xe ở cạnh đường và đưa cho B 7.000.000đ (bảy triệu đồng), B cầm tiền rồi một mình đi đến chỗ người đàn ông đang đứng, B bỏ tiền của mình ra góp thêm vào 3.000.000đ (ba triệu đồng) để đưa cho người đàn ông bán ma túy số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), sau khi cầm tiền người đàn ông này đưa lại cho B 01 (một) gói ma túy. B mở gói ma túy đã mua ra kiểm tra và chia thành hai phần rồi gói lại, một phần B cất vào trong người, phần còn lại B đưa cho Lý Văn N. Sau đó N để số ma túy được B chia cho vào 01 (một) bao cao su, rồi cất dấu vào trong hậu môn của N. Hoàng Văn B cũng chia phần ma túy của mình thành 03 (ba) gói nhỏ, bọc bằng giấy ni lông, rồi cất dấu trong hậu môn của B. Sau đó N và B đi về đến khu vực tổ 16, phường S, thành phố BK thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy nói trên.

Quá trình điều tra, truy tố Hoàng Văn B đã thành khẩn khai nhận: mục đích B mua số ma túy nói trên về để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời, để tránh bị phát hiện B đã xóa hết thông tin trong máy điện thoại của mình và cất dấu ma túy trong hậu môn. Còn đối với Lý Văn N, quá trình điều tra, truy tố, N thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình, nhưng lại nài ra mục đích mua số ma túy nói trên về để chữa bệnh cho lợn, gà. Việc N khai mục đích sử dụng ma túy như vậy là không có cơ sở, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh Lý Văn N sử dụng ma túy vào mục đích khác.

Tại kết luận giám định số: 20/PC45 - MT ngày 19/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lý Văn N có trong phong bì ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 8,335 gam (tám phẩy ba ba năm gam); Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của

Hoàng Văn B có trong phong bì ký hiệu A5 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 10,284 gam (mười phẩy hai tám tư gam).

Tại bản cáo trạng số: 42/CT - VKSTPBK, ngày 26 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i, khoản 2, Điều 251/BLHS và bị cáo Lý Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g, khoản 2, Điều 249/BLHS.

*** Điều 251/BLHS có nội dung:**

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm :

a)

i) Heroine, Coaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR -11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”.

*** Điều 249/BLHS có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm :

a) ;

g) Heroine, Coaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR -11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B và bị cáo N. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Lý Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị:

* Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS: xử phạt bị cáo Lý Văn N từ 06 đến 07 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo N.

* Áp dụng điểm i, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS: xử phạt bị cáo Hoàng Văn B từ 07 đến 08 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo B.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T20, 01 phong bì niêm phong ký hiệu A4, 01 phong bì niêm phong ký hiệu A6 và 02 bao cao su chưa qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2; Tịch thu, hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu trắng của bị cáo Hoàng Văn B; Trả lại cho chị Hoàng Thị H: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen, biển kiểm soát 97F5 - 6788 và chìa khóa xe, 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0012509 mang tên chủ xe Lý Văn N, số tiền 19.800.000 đồng; Trả lại cho bị cáo B: số tiền 800.000 đồng.

* Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo N và bị cáo B vì bị cáo N thuộc hộ cận nghèo và bị cáo B thuộc nghèo.

* Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tổng thể vụ án: bị cáo sống ở vùng 135, hiểu biết pháp luật hạn chế, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS cho bị cáo hưởng mức án dưới mức mà Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo N; trả lại xe mô tô, số tiền 19.800.000 đồng cho chị Hoàng Thị H và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lý Văn N.

* Bị cáo B và bị cáo N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/01/2018, tại khu vực tổ 17, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Văn B rủ Lý Văn N cùng nhau đi mua ma túy. Lý Văn N đưa cho Hoàng Văn B 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), B góp thêm 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), được tổng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), B cầm tổng số tiền này đến mua của một người đàn ông (Không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) được 01 gói ma túy (loại Heroine) có tổng khối lượng là 18,619 gam (Mười tám phẩy sáu một chín gam) ở tại khu vực cầu treo thuộc tổ 18, phường S, thành phố BK. Sau khi mua được ma túy, B chia cho Lý Văn N cất giữ 8,335 gam (Tám phẩy ba ba lăm gam), còn lại 10,284 gam (Mười phẩy hai tám tư gam) do trực tiếp Hoàng Văn B cất giữ. Khi Hoàng Văn B và Lý Văn N mang số ma túy nói trên đến khu vực tổ 16, phường S, thành phố BK thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Kạn bắt giữ. Mục đích Hoàng Văn B mua ma túy về để bản thân sử dụng và bán cho người khác kiếm lời. Mục đích Lý Văn N mua ma túy về cất giữ để sử dụng vào việc cá nhân; ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Hoàng Văn B biết rõ mục đích mua chất ma túy của Lý

Văn N là đề sử dụng những vẫn đồng ý mua giúp N nên Hoàng Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng chất ma túy mua cho bản thân và mua hộ Lý Văn N là 18,619 gam. Lý Văn N biết Hoàng Văn B đi mua chất ma túy cho mình và cho cả B, nhưng N vẫn đồng ý góp số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để mua ma túy và dùng xe mô tô của mình chở B cùng số chất ma túy đã mua được, nên Lý Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với tổng khối lượng chất ma túy là 18,619 gam.

Hoàng Văn B đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng để làm phương tiện liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

Lý Văn N đã sử dụng chiếc xe mô tô HONDA WAVE màu đỏ đen BKS 97F5 - 6788 để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Hoàng Văn B về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i, khoản 2, Điều 251/BLHS và bị cáo Lý Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g, khoản 2, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy: Bị cáo Hoàng Văn B và bị cáo Lý Văn N đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

Vật chứng: - 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu T20 ngoài phong bì ghi mẫu hoàn trả vụ Lý Văn N và Hoàng Văn B, mặt sau có 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn, có 02 chữ ký không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A4, mặt trước có ghi: giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu A1 của Lý Văn N, mặt sau có 02 dấu tròn của cơ quan săn sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn, 01 dấu điểm chỉ của Lý Văn N và chữ ký giáp lai của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A6, mặt trước có ghi: giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu A2 của Hoàng Văn B, mặt sau có 02 dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn, có chữ ký giáp lai của Hoàng Văn B và những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 02 bao cao su vỏ ngoài

màu trắng bạc còn nguyên vẹn, chưa qua sử dụng: tất cả không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng, có số IMEL 354555050622344 và 3545550622351 là tài sản của bị cáo Lý Văn N, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo N.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEL 865262037746757 và 865262037746740, mặt trước bị vỡ - là tài sản của bị cáo Hoàng Văn B: là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen, biêm kiểm soát 97F5 - 6788 và chìa khóa xe; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0012509 mang tên chủ xe Lý Văn N do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/4/2007, quá trình điều tra xác minh làm rõ được: chiếc xe trên được mua từ tiền riêng của chị Hoàng Thị H (vợ bị cáo N), do chị bán 01 con bò được bố để chị tặng cho riêng mà có, để làm phương tiện đi lại cho cả gia đình, nhưng do chị không biết đi xe máy nên sau khi mua xe đã cho bị cáo N đứng tên đăng ký, việc bị cáo N sử dụng xe vào việc phạm tội chị H không biết. Chị H đề nghị được xin lại chiếc xe, chìa khóa và giấy đăng ký xe. Hội đồng xét xử thấy, khi bị cáo N sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì chị H không biết nên cần thiết trả lại chiếc xe, chìa khóa xe và giấy đăng ký xe cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Số tiền 19.800.000 đồng thu trên người bị cáo Lý Văn N: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N đều khai phù hợp với lời khai của chị H là người có quyền lợi liên quan trong vụ án, theo đó đều xác định số tiền trên là tài sản chung của cả gia đình tiết kiệm được từ tiền Nhà nước đền bù thu hồi đất, bán lợn gà mà có và là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc bị cáo N tự ý mang theo người khi phạm tội thì chị H không biết, bị cáo N và chị H đều đề nghị hội đồng xét xử trả lại số tiền này cho chị H. Hội đồng xét xử thấy, số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N, chị H và bị cáo N đều có nguyện vọng giống nhau là đề nghị hội đồng xét xử trả lại khoản tiền này cho chị H, nên cần trả lại khoản tiền này cho chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Số tiền 800.000 đồng thu trên người của bị cáo Hoàng Văn B là tài sản bị cáo B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo B.

Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Hoàng Văn B, Lý Văn N khai đã mua của một đàn ông không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định hai bị cáo N, B đều không có tài sản, bị cáo B thuộc hộ nghèo, Bị cáo N thuộc hộ cận nghèo, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo B và bị cáo N.

Do bị cáo B thuộc hộ nghèo, bị cáo N thuộc hộ cận nghèo nên hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn N, không chấp nhận mức hình phạt chính mà đại diện viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Lý Văn N.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo:

- Hoàng Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Lý Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm i, khoản 2, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

Xử phạt: Hoàng Văn B: 07 năm 06 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/01/2018.

* Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS:

Xử phạt: Lý Văn N: 05 năm 06 tháng (Năm năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/01/2018.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu T20 ngoài phong bì ghi mẫu hoàn trả vụ Lý Văn N và Hoàng Văn B, mặt sau có 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn, có 02 chữ ký không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A4, mặt trước có ghi: giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu A1 của Lý Văn N, mặt sau có 02 dấu tròn của cơ quan sãn sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn, 01 dấu điểm chỉ của Lý Văn N và chữ ký giáp lai của những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A6, mặt trước có ghi: giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu A2 của Hoàng Văn B, mặt sau có 02 dấu tròn của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn, có chữ ký giáp lai của Hoàng Văn B và những người tham gia niêm phong, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 02 bao cao su vỏ ngoài màu trắng bạc còn nguyên vẹn, chưa qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo N: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2 vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng, có số IMEL 354555050622344 và 3545550622351.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEL 865262037746757 và

865262037746740, mặt trước bị vỡ.

- Trả lại cho bị cáo B: số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Hoàng Thị H:

+) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ đen, biêm kiểm soát 97F5 - 6788 và chìa khóa xe (tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, hai lốp xẹt hết hơi, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 0012509 mang tên chủ xe Lý Văn N do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/4/2007.

+) Số tiền 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

* Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 15 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn B và Lý Văn N.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi liên quan Hoàng Thị H - có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 2
- NCQLLQ: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ SƠ THẨM

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo: Hoàng Hữu Quý bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự tại cáo trạng số: 15/CTVKSTBK ngày 25 tháng 7 năm 2018.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Anh Tú.

2. Ông Lường Tuấn Nhã.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà
Bé Thị Trâm - Kiểm sát viên.

II. Những người tham gia tố tụng:

*** Bị cáo :** **Hoàng Hữu Quý** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/8/1979; nơi
đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 16, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn,
tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; con ông Hoàng
Hữu Các (đã chết) và bà Khúc Thị Bốn; có vợ là Trương Thị Hóa và 02 con (con lớn
sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2017 đến nay. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Trương Thị Hóa, sinh năm
1986; trú tại : Tổ 16, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Những người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn Hân, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Khuổi Piều, xã Quang
Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Hành, sinh năm 1995; trú tại: Thôn Khuổi Piều, xã Quang
Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Anh Chu Văn Phán, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Khuổi Piều, xã Quang
Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

4. Anh Chu Phương Đới, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Khuổi Thiêu, xã Hà Vị,
huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Tiến Dũng (tức Nguyễn Viết Hùng), sinh năm 1987; trú tại: Tổ
13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Hiện đang chấp hành Quyết
định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Trung Tâm Chữa
bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa. Có mặt.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

1. Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của
những người được Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa có mặt bị cáo Hoàng Hữu Quý, người có quyền lợi, nghĩa vụ
liên quan chị Trương Thị Hóa, người làm chứng Nguyễn Tiến Dũng (tức Nguyễn
Viết Hùng) và vắng mặt những người làm chứng Nguyễn Văn Hân, Nguyễn Văn
Hành, Chu Văn Phán, Chu Văn Đới - không có lý do.

Chủ tọa hỏi đại diện Viện kiểm sát, bị cáo về sự vắng mặt của những người làm chứng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Sự vắng mặt của những người làm chứng không gây trở ngại trong quá trình xét xử, bởi trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai của những người này. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

- Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận, qua thảo luận Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục phiên tòa.

3. Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập; kiểm tra lý lịch, phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ; giải thích cho họ biết về những bản án, quyết định được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và quyền của họ về việc yêu cầu Tòa án không công bố những nội dung liên quan đến bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh; yêu cầu người làm chứng cam đoan không khai gian dối.

4. Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những người tiến hành tố tụng và hỏi Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa không?

Không ai có ý kiến thay đổi gì.

5. Chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa?

Bị cáo đã nhận được và không có ý kiến gì.

6. Chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không?

Không ai có yêu cầu gì.

Chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa

1. Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng:

Đại diện Viện kiểm sát công bố bản cáo trạng số 15/CT-VKSTPBK ngày 25/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:

** Chủ tọa hỏi bị cáo:*

Hỏi: Bị cáo có nghe rõ bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát vừa công bố không ?

Đáp: Bị cáo đã nghe rõ.

Hỏi: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội gì?

Đáp: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Hỏi: Bị cáo bán trái phép chất ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho anh Chu Phương Đới, Nguyễn Văn Hân, Nguyễn Văn Hành và Chu Văn Phán.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy mấy lần?

Đáp: Bị cáo bán 03 lần.

Hỏi: Lần thứ nhất bị cáo bán ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho anh Chu Phương Đới.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho anh Đới vào thời gian nào?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho Đới vào khoảng 14 giờ ngày 14/11/2017.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho anh Đới tại đâu?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho Đới tại quán cà phê Đông Dương.

Hỏi: Bị cáo bán cho anh Đới số lượng ma túy là bao nhiêu?

Đáp: 01 gói

Hỏi: Là loại ma túy gì?

Đáp: Loại hêrôin.

Hỏi: Bị cáo bán với giá bao nhiêu tiền?

Đáp: Giá là 100.000 đồng.

Hỏi: Có ai biết việc bị cáo bán ma túy cho anh Đới không?

Đáp: Không.

Hỏi: Anh Đới hỏi mua ma túy với bị cáo bằng hình thức nào?

Đáp: Bị cáo và Đới gặp nhau tại quán Đông Dương và Đới hỏi mua trực tiếp với bị cáo.

Hỏi: Tại sao Đới biết bị cáo bán ma túy mà hỏi mua?

Đáp: Vì bị cáo cũng nghiện ma túy.

Hỏi: Lần thứ hai bị cáo bán ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho anh Hân.

Hỏi: Anh Hân hỏi mua ma túy với bị cáo bằng hình thức nào?

Đáp: Hân gọi điện thoại cho bị cáo và hỏi mua ma túy.

Hỏi: Anh Hân gọi điện từ số điện thoại nào của Hân vào số điện thoại nào của bị cáo?

Đáp: Hân dùng số 0972.088.323 gọi vào số 0987.519.474 của bị cáo.

Hỏi: Hân hỏi mua ma túy như thế nào ?

Đáp: Hân bảo bị cáo bán cho Hân 01 gói ma túy

Hỏi: Khi đó Hân có nói là mua ma túy cho Hân hay mua hộ cả ai khác không ?

Đáp: Hân nói mua cho Hân.

Hỏi: Khi anh Hân hỏi như vậy bị cáo có đồng ý bán không ?

Đáp: Bị cáo đồng ý bán và bảo Hân đến nhà anh Hùng.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho Hân tại đâu?

Đáp: Bị cáo bán ma túy cho Hân ở nhà của Nguyễn Tiến Dũng (tức Hùng).

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho Hân vào thời gian nào?

Đáp: Khoảng 13 giờ ngày 16/11/2017.

Hỏi: Bị cáo bán cho anh Hân với số lượng ma túy là bao nhiêu?

Đáp: 02 gói

Hỏi: Là loại ma túy gì?

Đáp: Là loại ma túy hêrôin.

Hỏi: Bị cáo bán với giá bao nhiêu tiền?

Đáp: Bị cáo bán 02 gói với giá 400.000 đồng.

Hỏi: Khi bị cáo bán ma túy cho Hân thì có ai biết việc này không?

Đáp: Có anh Nguyễn Văn Hành, Chu Văn Phán là những người đi cùng Hân đến và Nguyễn Tiến Dũng là chủ nhà.

Hỏi: Bị cáo lấy ma túy ở đâu bán cho Hân ?

Đáp: Bị cáo lấy ma túy giấu ở xe máy của bị cáo.

Hỏi: Bị cáo đưa ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo đưa cho Hân.

Hỏi: Ai là người trực tiếp đưa tiền cho bị cáo?

Đáp: Hân là người đưa tiền cho bị cáo

Hỏi: Sau khi bị cáo bán ma túy cho Hân thì sự việc tiếp theo diễn ra như thế nào?

Đáp: Hân có hỏi Dũng xin sử dụng ma túy tại nhà ở của Dũng, Dũng đồng ý rồi xin sử dụng cùng và sau đó giữa Hân và Dũng đã to tiếng với nhau, sau đó bị cáo đưa thêm cho Hân 01 gói ma túy để Hân, Dũng, Hành, Phán cùng nhau sử dụng.

Hỏi: Bị cáo có biết lý do vì sao mà anh Hân và anh Dũng lại to tiếng với nhau không?

Đáp: Vì Hân qua mặt Dũng và số lượng ma túy ít không đủ cho 4 người cùng sử dụng.

Hỏi: Việc bị cáo đưa thêm cho anh Hân 01 gói ma túy là bán thêm hay là cho?

Đáp: Là bị cáo cho Hân.

Hỏi: Hân, Hành, Phán, Dũng sử dụng ma túy tại đâu?

Đáp: Sử dụng tại buồng ngủ nhà Dũng.

Hỏi: Bị cáo có được sử dụng ma túy cùng Hân, Hành, Phán, Dũng không?

Đáp: Không.

Hỏi: Lần thứ ba bị cáo bán ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo bán cho anh Hân và anh Hành.

Hỏi: Ai là người trực tiếp hỏi mua ma túy với bị cáo?

Đáp: Anh Hân là người trực tiếp gọi điện thoại hỏi mua ma túy với bị cáo.

Hỏi: Anh Hân gọi điện từ số nào vào số điện thoại nào của bị cáo để hỏi mua ma túy?

Đáp: Hân gọi từ số điện thoại 0983.973.532 gọi vào số 0987.519.474 của bị cáo.

Hỏi: Số điện thoại 0983.973.532 là của ai ?

Đáp: Bị cáo không nhớ chính xác là số của anh Hân hay của anh Hành.

Hỏi: Anh Hân hỏi mua ma túy với bị cáo như thế nào?

Đáp: Hân bảo bị cáo bán cho Hân 02 gói ma túy và bị cáo đồng ý bán.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho anh Hân như thế nào ?

Đáp: Bị cáo bảo anh Hân đi đến đường Nguyễn Văn Tổ, đoạn gần quán cà phê Đông Dương để lấy. Sau đó bị cáo lấy 02 ma túy mang theo trong người cho vào 01 vỏ gói mì tôm, rồi đi xe máy đến chỗ hẹn, vứt ma túy xuống vỉa hè gần chỗ đứng. Sau đó bị cáo thấy Hân và Hành cùng đi xe đến rồi Hân trực tiếp đưa cho bị cáo 200.000 đồng, Hành cũng trực tiếp đưa cho bị cáo 200.000 đồng, sau đó bị cáo chỉ ma túy để Hân và Hành đến lấy.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho Hân và Hành vào thời gian nào?

Đáp: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 17/11/2017.

Hỏi: Loại ma túy bị cáo bán cho Hân và Hành là loại ma túy gì?

Đáp: Loại Hêrôin

Hỏi: Có ai biết việc bị cáo bán ma túy cho Hân và Hành không?

Đáp: Không.

Hỏi: Lần thứ tư bị cáo bán ma túy cho ai?

Đáp: Bị cáo bán cho Hành nhưng chưa bán được thì bị công an bắt quả tang.

Hỏi: Bị cáo bán ma túy cho Hành vào thời gian nào?

Đáp: Khoảng 17 giờ ngày 17/11/2017.

Hỏi: Việc bị cáo bán ma túy cho Hành vào ngày 17/11/2017 như thế nào?

Đáp: Hành gọi điện thoại hỏi mua 02 gói ma túy, bị cáo bảo đi ra đường Nguyễn Văn Tố gần quán cà phê Đông Dương để lấy ma túy, sau đó bị cáo cho ma túy vào vỏ mì tôm rồi đi xe máy đến chỗ hẹn đứng đợi rồi rút 02 gói ma túy trên vỉa hè gần chỗ đứng và đang đợi Hành đến lấy thì bị công an bắt.

Hỏi: Hành gọi điện từ số nào vào số điện thoại nào của bị cáo để hỏi mua ma túy?

Đáp: Hành gọi từ số 0983.973.532 vào số 0987.519.474 của bị cáo.

Hỏi: Loại ma túy bị cáo bán cho Hành là loại ma túy gì?

Đáp: Loại hêrôin.

Hỏi: Nếu không bị công an bắt quả tang thì bị cáo sẽ bán 02 gói ma túy cho Hành với giá bao nhiêu tiền?

Đáp: Bị cáo bán giá 400.000 đồng.

Hỏi: Ngoài các lần bán ma túy cho Đới, Hân, Hành trên bị cáo còn bán cho ai nữa không?

Đáp: Không.

Hỏi: Mục đích bị cáo bán ma túy là gì?

Đáp: Mục đích là để kiếm lời, vì bị cáo cũng sử dụng ma túy nên cần tiền mua ma túy về sử dụng.

Hỏi: Nguồn gốc số ma túy bị cáo bán do đâu mà có?

Đáp: Do bị cáo đã mua ở trước đó vào ngày 12/11/2017 ở Thái Nguyên.

Hỏi: Bị cáo mua ma túy của ai về bán?

Đáp: Bị cáo không biết, vì bị cáo không trực tiếp mua mà nhờ một người lái xe ôm ở Thái Nguyên (không biết rõ họ tên, địa chỉ) mua hộ mua hộ 700.000 đồng ma túy loại hêrôin và 800.000 đồng ma túy đá ở tại khu vực đường Minh Cầu, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Hỏi: Tại sao bị cáo không quen biết người xe ôm mà lại nhờ mua hộ được ma túy?

Đáp: Vì bị cáo có cho tiền để người này đi mua hộ.

Hỏi: Sau khi mua được ma túy bị cáo đã xử lý như thế nào?

Đáp: Số ma túy đá bị cáo đã sử dụng hết cho bản thân, còn số ma túy hêrôin bị cáo mang về chia nhỏ và bán dần.

Hỏi: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn truy tố bị cáo bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo thấy thế nào?

Đáp: Bị cáo thấy đúng, không oan.

Hỏi: Bị cáo nhận thức như thế nào về hành vi phạm tội của mình?

Đáp: Bị cáo thấy hành vi bán ma túy của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về việc mình đã làm.

Hỏi: Từ trước đến nay bị cáo đã lần nào vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự chưa ?

Đáp: Bị cáo chưa.

Hỏi : Bản thân bị cáo từ trước đến nay có được Nhà nước khen thưởng gì không?

Đáp: Không.

Hỏi: Gia đình bị cáo có ai được Nhà nước khen thưởng gì không ?

Đáp: Bị cáo bố là người được hưởng trợ cấp vì đi kháng chiến nhiễm chất độc hóa học và bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh Hùng.

Hỏi: Ông Hoàng Hữu Các có mối quan hệ như thế nào đối với bị cáo?

Đáp: Ông Hoàng Hữu Các là bố đẻ của bị cáo.

Hỏi: Bà Nguyễn Thị Bé có mối quan hệ như thế nào đối với bị cáo ?

Đáp: Bà Nguyễn Thị Bé là bà nội của bị cáo.

Hỏi: Trước khi bị công an bắt bị cáo làm nghề gì ?

Đáp: Bị cáo là lao động tự do, bị cáo làm nghề cơ khí.

Hỏi: Thu nhập hàng tháng có ổn định không ?

Đáp: Thu nhập ổn định.

Hỏi: Mỗi tháng bị cáo có thu nhập là bao nhiêu tiền ?

Đáp: Khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 tháng

Hỏi: Bị cáo có tài sản riêng gì không?

Đáp: Bị cáo có nhà và đất ở do bố mẹ để lại.

Hỏi: Hiện nay hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo như thế nào?

Đáp: Kinh tế gia đình bị cáo tạm ổn, có thu nhập hàng tháng.

Hỏi: Tại giai đoạn điều tra cơ quan Công an có thu giữ tài liệu, đồ vật gì của bị cáo không ?

Đáp: Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu DOCOMO gắn sim 01673.878.939; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA gắn sim số 0944.528.436; 01 điện thoại OPPO gắn sim số 0987.519.474 ; 01 cân điện tử; 01 xe máy biển kiểm soát 20F7-9196; 01 chìa khóa xe máy; 1.170.000 đồng và 2.000.000 đồng.

Hỏi: Các tài sản bị thu giữ là tài sản của ai ?

Đáp: Các điện thoại, cân điện tử, xe máy, chìa khóa và số tiền 1.170.000 đồng của bị cáo. Số tiền 2.000.000 đồng là của vợ bị cáo.

Hỏi : 03 chiếc điện thoại di động bị thu giữ bị cáo có sử dụng vào mua bán ma túy không ?

Đáp: Điện thoại DOCOMO và NOKIA bị cáo không sử dụng vào bán ma túy chỉ sử dụng để liên lạc gia đình, bạn bè. Đối với điện thoại OPPO gắn sim số 0987.519.474 bị cáo có sử dụng vào việc liên lạc để trao đổi mua bán ma túy.

Hỏi: 01 cân điện tử bị cáo sử dụng vào mục đích gì?

Đáp: Cân điện bị cáo sử dụng vào việc cân lại ma túy sau khi mua về để bán lại.

Hỏi: 01 xe mô tô biển kiểm soát 20F7- 9196 có sử dụng vào việc mua bán ma túy không ?

Đáp: Bị cáo có dùng để đi bán ma túy.

Hỏi: Nguồn gốc chiếc xe trên như thế nào ?

Đáp: Xe là do bị cáo mua từ tiền của bị cáo, bị cáo mua của anh Thiện và không nhớ là mua thời gian nào, khi mua không viết giấy tờ.

Hỏi: 01 chìa khóa xe bị thu giữ có phải là chìa khóa của xe biển kiểm soát 20F7- 9196 không?

Đáp: Chiếc chìa khóa xe bị thu giữ đúng là chiếc chìa khóa của xe mô tô biển kiểm soát 20F7- 9196.

Hỏi: Số tiền 1.170.000 đồng có tiền bán ma túy không?

Đáp: Số tiền 1.170.000 đồng trong đó có 900.000 đồng là tiền bán ma túy.

Hỏi: Cơ quan công an đã trả lại cho vợ bị cáo số tiền 2.000.000 đồng bị cáo có ý kiến gì không ?

Đáp: Bị cáo không có ý kiến gì.

** Thẩm phán hỏi người có quyền lợi liên quan chị Trương Thị Hóa*

Hỏi: Chị có mối quan hệ như thế nào với bị cáo Hoàng Hữu Quý?

Đáp: Tôi là vợ của anh Quý.

Hỏi: Việc Quý bán ma túy chị có biết không?

Đáp: Tôi không biết.

Hỏi: Khi cơ quan điều tra khám nhà chị có thu giữ tài sản gì không?

Đáp: Có thu giữ 2000.000 đồng và 01 cân điện tử.

Hỏi: Các tài sản bị thu giữ trên là của ai?

Đáp: Số tiền 2.000.000 đồng là của tôi do tôi lao động mà có, chiếc cân điện tử là của anh Quý mua về làm gì tôi biết.

Hỏi: Chị đã được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng chưa?

Đáp: Tôi đã được nhận lại.

Hỏi: Chị có ý kiến gì về các vật chứng cơ quan Công an đã thu giữ trong vụ án không?

Đáp: Tôi không có ý kiến gì.

** Thẩm phán hỏi người làm chứng Nguyễn Tiến Dũng.*

Hỏi: Anh Dũng có mối quan hệ như thế nào với bị cáo Quý?

Đáp: Tôi với bị cáo Quý có quen biết nhau từ trước và là bạn của nhau.

Hỏi: Anh có được mua ma túy với Quý không?

Đáp: Không.

Hỏi: Anh có được chứng kiến việc bị cáo Quý bán ma túy cho ai không?

Đáp: Có. Buổi trưa ngày 16/11/2017, tôi có được chứng kiến việc Quý bán ma túy cho anh Hân tại nhà của tôi.

Hỏi: Cụ thể anh chứng kiến như thế nào?

Đáp: Tôi được chứng kiến việc Quý đưa ma túy cho anh Hân và anh Hân đưa tiền cho Quý, còn đưa bao nhiêu ma túy và bao nhiêu tiền thì tôi không biết cụ thể.

Hỏi: Sau khi Quý bán ma túy cho anh Hân xong thì sự việc tiếp theo diễn ra như thế nào?

Đáp: Tôi và anh Hân, anh Hành anh Phán cùng nhau sử dụng số ma túy anh Hân vừa mua của Quý tại phòng ngủ nhà tôi.

Hỏi: Ngoài anh ra còn chứng kiến Quý bán ma túy cho ai khác không?

Đáp: Không.

** Hội thẩm nhân dân hỏi bị cáo:*

Hỏi: Bị cáo sử dụng ma túy từ khi nào?

Đáp: Từ năm 2016.

Hỏi: Là loại ma túy gì?

Đáp: Ma túy đá.

Hỏi: Bị cáo sử dụng ma túy thì vợ bị cáo có biết không?

Đáp: Không.

Hỏi: Bị cáo làm nghề gì?

Đáp: Bị cáo làm nghề lao động tự do, làm cơ khí.

Hỏi: Thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền?

Đáp: Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Hỏi: Bị cáo có đưa tiền cho vợ bị cáo không?

Đáp: Có, mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng..

Hỏi: Số tiền còn lại bị cáo dùng để làm gì?

Đáp: Bị cáo tự chi tiêu cho bản thân.

** Kiểm sát viên hỏi bị cáo:*

Hỏi: Tại phiên tòa bị cáo có khẳng định lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố là đúng sự thật không?

Đáp: Bị cáo khẳng định lời khai trước đây là đúng sự thật.

Hỏi: Bị cáo được bán ma túy mấy lần?

Đáp: Bị cáo được bán ma túy 03 lần và 01 lần chưa kịp bán thì bị bắt.

Hỏi: Bị cáo bán trái phép ma túy vào ngày 14, 16 và trưa ngày 17 tháng 11 năm 2017 là bị cáo tự nguyện khai báo hay do bị phát giác mới khai báo?

Đáp: Bị cáo tự nguyện khai báo.

Hỏi: Bị cáo cho biết lý do mà bị cáo tự nguyện khai báo là gì?

Đáp: Bị cáo khai để được hưởng sự khoan hồng.

Hỏi: Số tiền 1.170.000 đồng cơ quan công an thu giữ trên người bị cáo là của ai?

Đáp: Là của bị cáo.

Hỏi: Số tiền này do đâu mà có?

Đáp: Số tiền 1.170.000 đồng trong đó có 900.000đ là do bán ma túy, số còn lại là do bị cáo lao động ra.

Hỏi: Bị cáo sử dụng gì để trao đổi mua bán ma túy?

Đáp: Bị cáo dùng xe máy để đi bán và điện thoại để trao liên lạc.

Hỏi: Chiếc xe mô tô BKS 20F7-9196 nhãn hiệu DRAGON là tài sản của ai?

Đáp: Xe là của bị cáo.

Hỏi: Bị cáo có được dùng chiếc điện thoại OPPO để trao đổi mua bán ma túy không?

Đáp: Có.

Hỏi: Chiếc điện thoại Nokia và DOCOMO bị cáo có sử dụng vào việc trao đổi để mua bán ma túy không?

Đáp: Không.

Hỏi: Tại sao bị cáo biết việc sử dụng và mua bán trái phép ma túy là vi phạm mà bị cáo vẫn thực hiện?

Đáp: Vì bị cáo nghiện nên bán ma túy để kiếm lời.

Hỏi: Hàng tháng thu nhập của bị cáo là bao nhiêu tiền?

Đáp: Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Hỏi: Nhà ở của bị cáo là tài sản chung của vợ hai chồng hay là tài sản riêng của bị cáo?

Đáp: Nhà ở hiện tại là tài sản chung của cả hai vợ chồng bị cáo.

** Kiểm sát viên hỏi người làm chứng Nguyễn Tiến Dũng*

Hỏi: Anh có mâu thuẫn gì bị cáo Quý không?

Đáp: Không.

Hỏi: Anh có sử dụng chất ma túy không?

Đáp: Có.

Hỏi: Ngày 16/11/2017 anh Hân có hỏi anh là cho Hân sử dụng ma túy ở tại nhà anh không?

Đáp: Có.

Hỏi. Khi anh Hân hỏi thì anh có đồng ý không?

Đáp: Có.

Hỏi. Anh nghĩ thế nào về việc cho Hân, Hành, Phán sử dụng ma túy ở tại nhà của mình?

Đáp: Tôi thấy việc cho sử dụng ma túy ở tại nhà tôi là vi phạm pháp luật.

Hỏi: Ngày 16/11/2017 anh có nhìn thấy anh Hân đưa cho bị cáo Quý số tiền 400.000 đồng không?

Đáp: Tôi có thấy Hân đưa tiền cho Quý.

Hỏi: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ tài sản gì của anh không?

Đáp: Không.

** Kiểm sát viên hỏi người có quyền lợi liên quan chị Trương Thị Hóa.*

Hỏi. Số tiền 2.000.000 đồng cơ quan Công an thu giữ tại nhà chị do đâu mà có?

Đáp: Do tôi lao động làm ra.

Hỏi. Chị có ý kiến gì về số tiền trên không?

Đáp: Tôi làm đơn xin lại số tiền này và đã nhận lại, nay tôi không còn có ý kiến gì thêm.

Hỏi: Chiếc xe mô tô, chìa khóa xe, 03 điện thoại và 01 cân điện tử cơ quan Công an đã thu giữ là tài sản của ai?

Đáp: Tất cả đều là tài sản của cá nhân anh Quý, không có gì là tài sản chung của vợ chồng và tôi không có liên quan gì đến các tài sản trên.

Hỏi: Chị có ý kiến gì về các tài sản trên?

Đáp: Tôi đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Không ai hỏi thêm vấn đề gì của vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc việc xét hỏi, chuyển sang thủ tục tranh luận tại phiên tòa.

3. Tranh luận tại phiên tòa

** Kiểm sát Viên đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Hữu Quý phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù,

Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T01; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M3; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0987.519.474. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu NTT DOCOMO màu đen bên trong gắn sim điện thoại có số thuê bao 01673.878.939 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen bên trong gắn sim điện thoại có số thuê bao 0944.528.436. Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại OPPO màu đen vàng; 01 cân điện tử màu đen trên mặt cân có ghi chữ GHL-POCKET SCALE; 01 mô tô nhãn hiệu DRAGON màu nâu đã qua sử dụng biển kiểm soát 20F7-9196 kèm theo xe là 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số A0089730 mang tên Ngô Quang Hương và 01 chìa khóa xe mô tô. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 900.000 đồng của bị cáo do bán ma túy mà có. Tạm giữ của bị cáo số tiền 270.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

** Bị cáo không tranh luận.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận.*

Không ai tranh luận thêm vấn đề gì của vụ án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo

Bị cáo đã thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án: Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án **và đọc quyết định tạm giam.**

Phiên tòa kết thúc vào hồi 11 giờ 05 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ
GHI BIÊN BẢN PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sơn

Trần Thị Dương

